

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 304/2020/HNGĐ-ST

Ngày 30-9-2020

V/v tranh chấp xin ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phan Thanh Hải.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Huỳnh Văn Tới.

Bà Nguyễn Huỳnh Hưởng.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Dương Thị Thêu là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 520/2020/TLST - HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2020 về tranh chấp xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 306/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị G, sinh năm 1992; cư trú tại khóm A, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Trần Văn Cảnh, sinh năm 1989; cư trú tại khóm A, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau (có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị G và quá trình tố tụng tại Tòa án chị G trình bày: Chị và anh Trần Văn C tự nguyện kết hôn vào năm 2012, đến ngày 15/7/2014 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do bất đồng quan điểm, lối sống, ngoài ra bản thân anh C còn có hành động đe dọa chị dẫn đến mất lòng tin trong cuộc sống và không đảm bảo được hạnh phúc nên chị yêu cầu ly hôn với anh C.

Về con chung của chị và anh C có hai người đang ở cùng chị gồm Trần Trọng K, sinh ngày 16/01/2013 và Trần Trọng N, sinh ngày 22/9/2014, sau khi ly hôn chị yêu cầu nuôi hai người con, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung chị G có yêu cầu phân chia nhưng sau đó chị tự nguyện rút lại yêu cầu và Tòa án đã ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án về phần yêu cầu phân chia tài sản nay chị không tiếp tục yêu cầu.

Ý kiến của bị đơn anh Trần Văn C trình bày: Anh và chị G tự nguyện kết hôn vào năm 2012 và đến năm 2014 thực hiện việc đăng ký kết hôn theo như chị G trình bày là đúng. Trong cuộc sống bản thân chị G không trung thực, không tôn trọng anh, thậm chí chị G có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác nên vợ chồng cự cãi thường xuyên và tự ý bỏ nhà đi không hiểu lý do, nay chị G yêu cầu ly hôn anh không đồng ý.

Về con chung có hai người như chị G trình bày, nếu Tòa án giải quyết cho vợ chồng anh ly hôn thì anh chấp nhận để hai người con cho chị G nuôi.

Về phần tài sản anh xác định có nhưng anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với Trần Trọng K, sinh ngày 16/01/2013 là con chung của chị G và anh C có nguyện vọng ở cùng chị G.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Vụ việc theo yêu cầu của chị Nguyễn Thị G được Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị G và anh C được xác lập vào năm 2012, đến ngày 15/7/2014 đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình tại thời điểm xác lập có hiệu lực nên hôn nhân được xác định là hợp pháp kể từ thời điểm đăng ký, nay xảy ra tranh chấp Tòa án căn cứ vào những quy định về chấm dứt hôn nhân theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết.

Quá trình chị G và anh C chung sống thực tế có xảy ra mâu thuẫn, chủ yếu là có sự bất hòa nhau trong đời sống vợ chồng và không tin tưởng lẫn nhau làm cho cuộc sống không hạnh phúc. Thời gian kéo dài đôi bên vẫn không tìm được biện pháp hữu hiệu để xoa dịu mâu thuẫn nhằm hàn gắn lại tình cảm vợ chồng. Mặt khác, quan hệ hôn nhân phải được xây dựng trên tinh thần tự nguyện từ hai phía nhưng tại phiên tòa chị G vẫn cương quyết ly hôn trong khi đó anh C không đưa ra được biện pháp để hàn gắn. Thực

tế, đã có sự vi phạm nghiêm trọng về quyền và nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của chị G được ly hôn với anh C là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Thời gian chung sống, chị G và anh C có hai người con chung hiện đang ở cùng chị G, sau khi ly hôn anh C thống nhất giao hai người con cho chị G nuôi. Như vậy, các đương sự đã thỏa thuận được việc nuôi con và sự thỏa thuận của các đương sự không trái với quy định của pháp luật, căn cứ Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận giao hai người con cho chị G nuôi là phù hợp. Phần cấp dưỡng đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

Anh C có quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con theo quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản: Chị G có yêu cầu nhưng sau đó chị G tự nguyện làm đơn rút lại yêu cầu chia tài sản và Tòa án đã ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án về phần yêu cầu này, tại phiên tòa chị G và anh C đều không có yêu cầu về phần tài sản nên không xem xét giải quyết. Đương sự có quyền thỏa thuận với nhau về việc phân chia tài sản nếu không thỏa thuận được thì có quyền khởi kiện thành vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị G là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên chị G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Phần tạm ứng án phí chị G đã nộp được khấu trừ, phần còn thừa chị G được nhận lại.

[7] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;  
Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị G ly hôn với anh Trần Văn C.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị G được quyền nuôi hai người con đang ở cùng chị gồm Trần Trọng K, sinh ngày 16/01/2013 và Trần Trọng N, sinh ngày 22/9/2014. Phần cấp dưỡng đương sự không đặt ra.

Anh C có quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng quyền thăm con để gây ảnh hưởng đến việc nuôi con của chị G.

Vì lợi ích của con chưa thành niên nên anh C có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và chị G có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản: Đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu phân chia tài sản thành vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch chị Nguyễn Thị G phải chịu 300.000 đồng, chị G đã nộp tạm ứng án phí 10.300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0004005 ngày 14/7/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời được khấu trừ, phần còn thừa chị G được nhận lại.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- UBND thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phan Thanh Hải**